

PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT**BỘ CÔNG THƯƠNG****BỘ CÔNG THƯƠNG****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 42/2014/TT-BCT

Hà Nội, ngày 18 tháng 11 năm 2014

THÔNG TƯ

**Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 21/2010/TT-BCT
ngày 17 tháng 5 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Công Thương thực hiện
Quy tắc xuất xứ trong Hiệp định thương mại hàng hóa ASEAN**

Căn cứ Nghị định số 95/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;

Căn cứ Hiệp định thương mại hàng hóa ASEAN ký ngày 26 tháng 02 năm 2009 tại Hội nghị cấp cao lần thứ 14, tại Cha-am, Thái Lan giữa các nước thành viên Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á;

Căn cứ Quyết định của Hội nghị liên Bộ trưởng Kinh tế ASEAN và Hội đồng Bộ trưởng Khu vực thương mại tự do ASEAN lần thứ 27 được tổ chức ngày 19 tháng 8 năm 2013 tại Bandar Seri Begawan, Brunei Darussalam;

Căn cứ Quyết định của Hội nghị liên Bộ trưởng Kinh tế ASEAN và Hội đồng Bộ trưởng Khu vực thương mại tự do ASEAN lần thứ 28 được tổ chức ngày 25 tháng 8 năm 2014 tại Nay Pyi Taw, Myanmar;

Căn cứ Nghị định số 19/2006/NĐ-CP ngày 20 tháng 02 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về xuất xứ hàng hóa;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Xuất nhập khẩu,

Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 21/2010/TT-BCT ngày 17 tháng 5 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Công Thương thực hiện Quy tắc xuất xứ trong Hiệp định thương mại hàng hóa ASEAN (sau đây gọi là Thông tư số 21/2010/TT-BCT).

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 21/2010/TT-BCT như sau:

1. Bãi bỏ Phụ lục 2 Quy tắc cụ thể mặt hàng ban hành kèm theo Thông tư số 21/2010/TT-BCT và thay thế bằng Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Bãi bỏ Phụ lục 3 Tiêu chí chuyển đổi cơ bản đối với sản phẩm dệt may ban hành kèm theo Thông tư số 21/2010/TT-BCT và thay thế bằng Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này.

3. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Phụ lục 7 Thủ tục cấp và kiểm tra C/O ban hành kèm theo Thông tư số 21/2010/TT-BCT như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 1, Điều 10 như sau:

“1. C/O được cấp trước hoặc vào thời điểm xuất khẩu hoặc một thời gian ngắn sau đó, nếu, theo các quy tắc xuất xứ quy định tại Phụ lục 1, hàng hóa xuất khẩu được xác định là có xuất xứ từ lãnh thổ của Nước thành viên xuất khẩu”.

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 1, Điều 13 như sau:

“1. Để được hưởng ưu đãi thuế quan, tại thời điểm làm thủ tục nhập khẩu, Người nhập khẩu phải nộp cho cơ quan Hải quan nước nhập khẩu tờ khai, C/O, kèm các chứng từ chứng minh (như hóa đơn thương mại, và vận tải đơn chở suốt được cấp trên lãnh thổ của Nước thành viên xuất khẩu trong trường hợp hàng hóa được vận chuyển qua lãnh thổ của một hoặc nhiều nước trung gian không phải là Nước thành viên theo quy định tại Điều 21 của Phụ lục này) và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật Nước thành viên nhập khẩu”.

c) Bổ sung Điều 24 như sau:

“Điều 24. Trị giá FOB

C/O mẫu D và C/O mẫu D giáp lưng chỉ ghi trị giá FOB trong trường hợp sử dụng tiêu chí RVC được tính theo công thức quy định tại Điều 5 Phụ lục 1 để xác định xuất xứ hàng hóa.

Riêng trường hợp C/O mẫu D và C/O mẫu D giáp lưng được cấp đến và cấp đi từ Cam-pu-chia và Mi-an-ma vẫn ghi trị giá FOB đối với tất cả các loại tiêu chí xuất xứ trong thời gian 02 (hai) năm kể từ ngày 01 tháng 4 năm 2014 đến ngày 31 tháng 3 năm 2016”.

4. Bãi bỏ Phụ lục 8 Mẫu C/O mẫu D ban hành kèm theo Thông tư số 21/2010/TT-BCT và thay thế bằng Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này.

5. Sửa đổi mục 10, Phụ lục 9 Hướng dẫn kê khai C/O ban hành kèm theo Thông tư số 21/2010/TT-BCT như sau:

“10. Ô số 9: trọng lượng cả bì của hàng hóa (hoặc số lượng khác) và trị giá FOB trong trường hợp sử dụng tiêu chí RVC để xác định xuất xứ hàng hóa. Riêng trường hợp C/O được cấp đến và cấp đi từ Cam-pu-chia và Mi-an-ma vẫn ghi trị giá FOB đối với tất cả các tiêu chí xuất xứ trong thời gian 02 (hai) năm kể từ ngày 01 tháng 4 năm 2014 đến ngày 31 tháng 3 năm 2016”.

6. Bãi bỏ Phụ lục 13 Danh mục các Tổ chức cấp C/O ban hành kèm theo Thông tư số 21/2010/TT-BCT và thay thế bằng Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 02 tháng 01 năm 2015.
2. Thông tư này bãi bỏ Thông tư số 24/2012/TT-BCT ngày 17 tháng 9 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung Thông tư số 21/2012/TT-BCT ngày 17 tháng 5 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Công Thương thực hiện Quy tắc xuất xứ trong Hiệp định thương mại hàng hóa ASEAN./.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Trần Tuấn Anh

Phụ lục I
QUY TẮC CỤ THỂ MẶT HÀNG

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 42/2014/TT-BCT ngày 18 tháng 11 năm 2014
của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều
của Thông tư số 21/2010/TT-BCT)*

1. Trong phụ lục này một số từ ngữ được hiểu như sau:

a) RVC (40) hoặc RVC (35) nghĩa là hàm lượng giá trị khu vực của hàng hóa, tính theo công thức quy định tại khoản 1, Điều 5, Phụ lục 1 của Thông tư số 21/2010/TT-BCT ngày 17 tháng 5 năm 2010, không nhỏ hơn 40% hoặc 35% tương ứng, và công đoạn sản xuất cuối cùng được thực hiện tại một nước thành viên;

b) “CC” là chuyển đổi từ bất kỳ chương nào khác đến một chương, nhóm hoặc phân nhóm. Điều này có nghĩa tất cả nguyên liệu không có xuất xứ sử dụng trong quá trình sản xuất ra sản phẩm phải trải qua sự chuyển đổi mã HS ở cấp 2 số (chuyển đổi Chương);

c) “CTH” là chuyển đổi từ bất kỳ nhóm nào khác đến một chương, nhóm hoặc phân nhóm. Điều này có nghĩa tất cả nguyên liệu không có xuất xứ sử dụng trong quá trình sản xuất ra sản phẩm phải trải qua sự chuyển đổi mã HS ở cấp 4 số (chuyển đổi Nhóm);

d) “CTSH” là chuyển đổi từ bất kỳ phân nhóm nào khác đến một chương, nhóm hoặc phân nhóm. Điều này có nghĩa tất cả nguyên liệu không có xuất xứ sử dụng trong quá trình sản xuất ra sản phẩm phải trải qua sự chuyển đổi mã HS ở cấp 6 số (chuyển đổi Phân nhóm);

đ) “WO” nghĩa là hàng hóa có xuất xứ thuần túy hoặc được sản xuất toàn bộ tại lãnh thổ của một nước thành viên.

e) Quy tắc hàng dệt may là quy tắc được liệt kê tại Phụ lục II.

2. Phụ lục này được xây dựng dựa trên Hệ thống hài hòa mô tả và mã hóa hàng hóa phiên bản 2012.

Mã hàng		Mô tả hàng hóa	Tiêu chí xuất xứ
		Chương 1. Động vật sống	
01.01		Ngựa, lừa, la sống	
		- Ngựa:	
0101	21	- - Loại thuần chủng để nhân giống	WO
0101	29	- - Loại khác	WO
0101	30	- Lừa:	WO
0101	90	- Loại khác	WO
01.02		Động vật sống họ trâu bò	
		- Gia súc:	
0102	21	- - Loại thuần chủng để nhân giống	WO
0102	29	- - Loại khác:	WO
		- Trâu:	
0102	31	- - Loại thuần chủng để nhân giống	WO
0102	39	- - Loại khác	WO
0102	90	- Loại khác:	WO
01.03		Lợn sống	
0103	10	- Loại thuần chủng để nhân giống	WO
		- Loại khác:	
0103	91	- - Trọng lượng dưới 50kg	WO
0103	92	- - Trọng lượng từ 50kg trở lên	WO
01.04		Cừu, dê sống	
0104	10	- Cừu:	WO
0104	20	- Dê:	WO
01.05		Gia cầm sống, gồm các loại gà thuộc loài Gallus domesticus, vịt, ngan, ngỗng, gà tây và gà lôi	
		- Loại trọng lượng không quá 185 g:	
0105	11	- - Gà thuộc loài Gallus domesticus:	WO
0105	12	- - Gà tây:	WO
0105	13	- - Vịt, ngan:	WO
0105	14	- - Ngỗng:	WO